| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU**<br>**TỈNH QUẢNG NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 198/2018/QĐST- HNGĐ | *Đông Triều, ngày 12 tháng 7 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 108/2018/TLST - HNGĐ ngày 14/3/2018 giữa:

**Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T T.

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

**Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T.

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 157, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 33, 55, 57, 59, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 213 Bộ luật Dân sự; Khoản 7 Điều 26; các Điểm a, b Khoản 5 và các Điểm a, b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Nguyễn Thị T T và anh Nguyễn Văn T.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

***2.1 Về con chung:***

Chị Nguyễn Thị T T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên là Nguyễn T M, sinh ngày 15/12/2007 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Văn T tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), kể từ tháng 7 năm 2018 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị Nguyễn Thị T T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Thao trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

***2.2 Về tài sản chung:***

Các đương sự xác định tài sản chung gồm có: Quyền sử dụng thửa đất có diện tích 604,2m$^2$ tại thôn N, xã , thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh (đã được Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CK 189095, vào sổ số CH 04039 ngày 05/01/2018 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T T) và quyền sở hữu ngôi nhà một tầng (diện tích xây dựng 100m$^2$) cùng các tài sản khác trên đất. Tổng giá trị tài sản chung là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng).

Anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất có diện tích 604,2m$^2$ tại thôn N, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh và quyền sở hữu ngôi nhà một tầng cùng các tài sản khác trên thửa đất được quyền sử dụng (nêu trên).

Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho chị Nguyễn Thị T T số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị T T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn T không trả cho chị Nguyễn Thị T T số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

***2.3 Về án phí:***

- Chị Nguyễn Thị T T tự nguyện chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí về việc chia tài sản chung là 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007474 ngày 12/3/2018 và 21.000.000đ (Hai mươi mốt triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003329 ngày 11/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều. Chị T được hoàn trả số tiền 3.650.000đ (Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

- Anh Nguyễn Văn T phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

***2.4 Về chi phí tố tụng khác:***

Chị Nguyễn Thị T T tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), nhưng được trừ vào số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) đã nộp tạm ứng theo biên bản giao nhận ngày 12/6/2018. Chị T đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện KSND thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Khắc Tuyn**